TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/DS-PT

Ngày: 26-3-2025

V/v: " Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Thông**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai trực tiếp vụ án dân sự thụ lý số 242/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: *" Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".* Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 641/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Số G Lô C c/c, 2 Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Lê Quang H; nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2023); có mặt

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Quang T; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H1; đại chỉ: K N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân T1; nơi cư trú: 70.5C chung cư P, Q2, số B đường F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân T1: Chị Nguyễn Thị Minh N; nơi cư trú: Số C H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H2; nơi cư trú: đường N, khu phố A, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

+ Văn phòng C5, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số E H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn T2, anh Nguyễn Văn L1, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị L2; cùng nơi cư trú: Số G Lô C c/c, 2 Đ, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2, anh L1, anh T3, chị L2: Bà Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Số G Lô C c/c, 2 Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

+ Ông Nguyễn M; nơi cư trú: số A N, khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị Minh N; nơi cư trú: Số C H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

+ Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số B P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

+ Chị Nguyễn Thị Minh K ; anh Nguyễn Quang H1; chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1984 (con bà Nguyễn Thị Minh Á); nơi cư trú: K N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 336 tờ bản đồ số 4, có diện tích 381m2 do ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị L khai hoang từ giữa tháng 5 năm 1975. Đến tháng 8/1975 ông

T2 và bà L đón mẹ và 03 người em từ Đà Nẵng trở về thị xã Q và tổ chức Lễ kết hôn của ông T2, bà L tại ngôi nhà này. Sau khi kết hôn, mẹ ông T2 (là cụ Trần Thị C1) cùng ở chung với ông T2, bà L. Sau một thời gian vợ chồng chăm chỉ làm ăn và đã có tích lũy, cuộc sống gia đình được ổn định hơn, nên có điều kiện để làm lại một ngôi nhà 3 gian rộng lớn và khang trang hơn trước. Vị trí ngôi nhà và sân nhà nằm trên một phần của thửa đất số 22 và thửa đất số 23, nhà trở theo hướng Đông – N. Diện tích đất còn lại (nay là thửa đất số 39) trước đây là đất hoang hóa còn rất nhiều bom đạn do hậu quả chiến tranh để lại, nên chỉ để sử dụng trồng chuối và sau nhiều năm và phá bom mình, cải tạo vườn tạp mới có như như ngày hôm nay. Nguồn gốc thửa đất ông T2, bà L khai hoang, trước năm 1972 là đất của bà L3 bán chè ăn, do hoàn cảnh chiến tranh nên gia đình bà chạy vào M sinh sống. Năm 1976 bà L3 có trở lại vườn cũ, thấy vợ chồng bà L đang sinh sống ở đó và đã có nhà cửa ổn định, nên bà không tranh chấp đòi lại thửa đất nói trên. (việc này có bà R, tên thường gọi là bà C2 96 tuổi, hiện nay đang trú tại phường C, thị xã Q và nhiều người dân ở gần đây đều biết).

Như vậy, trong suốt thời gian hơn 19 năm (từ năm 1975 đến năm 1994) vợ chồng ông T2, bà L sử dụng nhà ở gắn liền với thửa đất nói trên liên tục, ổn định, công khai và không có tranh chấp. Hai cô em gái của ông T2, bà L là: Nguyễn Thị Minh X và Nguyễn Thị Minh Á, lúc đó chưa xây dựng gia đình nên đang ở chung với vợ chồng bà L để giúp mẹ là (cụ C1) trong việc buôn bán tại chợ C6. Năm 1977 bà Nguyễn Thị Minh X kết hôn với ông Nguyễn Minh V ở tại xã T, nhưng sau đó vì đang buôn bán tại thị xã Q, nên được vợ chồng ông T2, bà L đồng ý cho em gái ở tạm trong nhà để thuận tiện việc buôn bán và có điều kiện đi lên đi về với chồng ở xã T (vì lúc còn sống mẹ bà L không cho ông M đến ở nhờ).

Sau khi mẹ bà L qua đời, ông M mới có cơ hội lên về với cô X. Đến ngày 30/01/2007 ông M mới cắt hộ khẩu gia đình từ T chuyển đến thị xã Q. Năm 1983 bà Nguyễn Thị Minh Á kết hôn với ông Nguyễn Quang T và về ở nhà chồng tại thôn L, xã T, huyện T. Đến năm 1988 do mưu cầu cuộc sống và để thuận lợi trong việc làm ăn tại thị xã Q, vợ chồng ông T2, bà L đồng ý cho em gái mượn một gốc vườn về phía Tây - Nam của thửa đất số 39 tờ bản đồ số 11 làm nhà ở tạm, để có điều kiện kinh doanh tại thị xã Q. Trước khi cho mượn, bà L có giao ước lúc nào mua được đất thì trả lại cho vợ chồng bà L. Nhưng sau đó ông Nguyễn Quang T tiếp tục cơi nới nhà cửa để chiếm đoạt luôn cả thửa đất của ông T2, bà L. (ông T đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2019 tại UBND phường C7).

Năm 1987, vợ chồng bà L nhờ mẹ chồng (cụ Trần Thị C1) đứng tên kê khai đăng ký vào sổ ruộng đất tại UBND thị trấn Q (nay thị xã Q), theo hồ sơ 299 thửa đất này thuộc thửa số 336 tờ bản đồ số 4, nay là thửa đất số 22, 23, 39 tờ bản đồ số

11, thuộc khu phố D, phường C thị xã Q. Việc cụ Trần Thị C1 đại diện gia đình ông T2, bà L đứng tên kê khai đăng ký ruộng đất là phù hợp Luật đất đai 1987.

Như vậy, tại thời điểm kê khai đăng ký ruộng đất, hộ gia đình ông T2, bà L chỉ có 7 người gồm: Cụ Trần Thị C1 (mẹ), ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T4 (Em ruột của ông T2 chưa có vợ, chết năm 1978) và các con của ông T2, bà L là: Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1976), Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1983), Nguyễn Thi L4 (sinh năm 1986). Từ năm 1994 cho đến nay, vợ chồng bà L vào N làm ăn, nhưng trong khoảng thời gian đó, có gần 10 năm (Từ 1994 đến 2004) ông T2, bà L phải giành nhiều thời gian cho việc làm thủ tục xuất cảnh ra nước ngoài theo diện con L5, nên thỉnh thoảng mới về quê, do đó phải nhờ mẹ là cụ Trần Thị C1 trông nom nhà cửa, đất đai.

Đến năm 1998 cụ C1 qua đời, ngôi nhà 3 gian tọa lạc trên diện tích 381m^2 nói trên, vợ chồng bà L vẫn sử dụng để làm nơi thờ tự, hương khói cho cha, mẹ. Sau khi mẹ bà L mất được 3 năm, đến năm 2001 ông Nguyễn M (bố anh T1) biết vợ chồng bà L đi làm ăn xa, nên đã đập phá ngôi nhà của bà L như đã nói trên để làm lại một ngôi nhà hiện nay tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11 và chiếm đoạt hết 106 m^2 đất của ông T2, bà L. Năm 2005 ông Nguyễn Minh C3 chiếm đoạt thêm thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11 của ông T2, bà L, làm một ngôi nhà rường 3 gian để buôn bán đồ gỗ. Vào tháng 6 năm 2018 bà Nguyễn Thị L (vợ ông Nguyễn T2) về lại nhà cũ để làm Lễ cầu siêu cho gia đình, thấy việc ông Nguyễn M và ông Nguyễn Quang T tự ý xây dựng nhà trái phép trên đất ông T2, bà L, nên bà L đã phản đối và yêu cầu hai ông tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc đã xây trên đất của mình, nhưng hai ông mới chỉ tháo dở một ngôi nhà rường tại thửa số 23. Và sau khi biết chính xác việc hai ông man khai về nguồn gốc đất đai để được cấp sổ đỏ trên thửa đất của ông T2, bà L, nên đã yêu cầu TAND tỉnh Quảng Trị xử hủy các quyết định cá biệt trái pháp luật nói trên.

Yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H2 vô hiệu. Vì ông T không phải chủ sử dụng thửa đất hợp pháp, mà đem chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ là vi phạm điều cấm của pháp luật. Nay TAND tỉnh Quảng Trị đã hủy GCNQSD đất và các quyết định liên quan đến thửa đất số 39, tờ bản đồ số 11, do đó hợp đồng chuyển nhượng với ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị Hậu B vô hiệu ngay từ khi ký kết.

Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1 để lại. Lúc còn sống cụ C1 có 4 người con là: ông Nguyễn T2, ông Nguyễn T4 (Em ruột của ông T2, bà L chưa có vợ, chết năm 1978), Nguyễn Thị Minh X và Nguyễn Thị Minh Á.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

(1) Buộc ông Nguyễn Quang T tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 182,8m^2 đất, tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

(2) Buộc anh Nguyễn Xuân T1 tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 84,8m^2 đất, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

(3) Chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1 để lại 63,5m^2, tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4 (nay thửa 22, 23, 39 tờ bản đồ số 11), địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cho ba người thuộc hàng thứ nhất, mỗi người được hưởng như sau: Ông Nguyễn T2 21,2m^2; Bà Nguyễn Thị Minh X 21,2m^2; Bà Nguyễn Thị Minh Á 21,2m^2;

(4) Tuyên xử hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 vô hiệu. Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/12/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2.

Bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4, diện tích 381m2 của 07 thành viên hộ gia đình gồm cụ Trần Thị C1, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị L, và các con bà L là anh Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị L2.

2. Bị đơn trình bày:

**** Tại phiên hòa giải ngày ngày 09/5/2024, bị đơn ông*** Nguyễn Quang T ***trình bày:*** Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/4/2024 bị đơn anh*** Nguyễn Xuân T1 ***trình bày:***

Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất của anh T1 (được bà Nguyễn Thị Minh X để lại):

Khoảng năm 1948 đến năm 1950, do chiến tranh gia đình ông bà ngoại anh T1 (là cụ Nguyễn T5 và Trần Thị C1) di cư từ xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị vào thị xã Q mua đất và định cư tại thị xã Q. Năm 1965, ông ngoại anh T1 là Nguyễn Trí M1 do chiến tranh. Năm 1972 cụ Trần Thị C1 cùng các con Nguyễn T2, Nguyễn Thị Minh X, Nguyễn T4 (chưa lập gia đình và đã mất) và bà Nguyễn Thị Minh A) di tản vào Đà Nẵng.

Sau ngày 30/4/1975, gia đình của cụ Trần Thị C1 (chủ hộ) chuyển về thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, định cư trên ngôi nhà đã mua trước đó. Bà ngoại anh T1 là Trần Thị C1 (chủ hộ) cùng các thành viên trong gia đình cùng nhau khai hoang mảnh đất phía trước nhà và cùng nhau xây nhà, chuyển ra mảnh đất đã được khai hoang để sinh sống với diện tích đất là 381m^2. Đến khi, ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị L

kết hôn, thì cụ Trần Thị C1 (chủ hộ) cho miếng đất phía sau (mảnh đất mua từ 1948-1950) để hai vợ chồng sinh sống. Còn chỗ đất khai hoang trên thì cụ C1 cùng bà Nguyễn Thị Minh X, ông Nguyễn T4 (chưa lập gia đình và đã mất) và bà Nguyễn Thị Minh Á sinh sống. Năm 1976, bà Nguyễn Thị Minh X kết hôn với ông Nguyễn M và sinh sống tại nơi này. Khoảng từ năm 1981 đến năm 1983, bà Nguyễn Thị Minh X xây dựng nhà riêng tại thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 (hiện nay là Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị) cạnh nhà cụ Trần Thị C1 (thửa 78, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996). Năm 1989, bà Nguyễn Thị Minh X tách hộ khẩu ra khỏi hộ khẩu cụ Trần Thị C1 và đứng tên chủ hộ tại thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 4 (có hộ khẩu năm 1989 kèm theo). Bà Nguyễn Thị Minh X sinh được 3 người con (gồm: anh Nguyễn Xuân T1 - sinh năm 1977, chị Nguyễn Thị Minh N - sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị Minh C - sinh năm 1982) và sinh sống tại nơi này đến năm 2001 thì bà X chết. Còn ông Nguyễn M sinh sống và làm cán bộ thương nghiệp của xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị từ năm 1975 đến 1989; năm 2004 ông Nguyễn Minh M2 nhập hộ khẩu đến tại Khu phố D, phường C, thị Xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Sau khi cụ Trần Thị C1 chết vào ngày 19/4/1998. ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á lập giấy ủy quyền ngày 08/6/1998 được xác nhận của UBND phường A2, thị xã Q như sau: *"Mẹ chúng anh T1 đã qua đời do cơn bệnh đột biến và từ trần vào ngày 19/4/1998. Để lại cho 3 anh em của chúng anh T1 1 ngôi nhà 2 gian lợp ngói và diện tích viên cư là 54m2 (thửa 78, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996), ngôi nhà này là do công lao của mẹ anh T1 và 3 anh em chúng anh T1 gây dựng nên. Đông giáp nhà vợ chồng Trung A1 (thửa đất số 1236, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996); Bắc giáp với đường N; Tây giáp với vợ chồng Minh X (thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996); Nam giáp với nhà S - H; Sau khi bàn bạc 3 anh em chúng anh T1 thống nhất ủy quyền ngôi nhà và đất viên cư ở trên cho bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh A quản lý để làm nơi thờ phượng tổ tiên ông bà và cũng là nơi để bà con đến hương khói. Không cho bất cứ ai trong giềng tộc được chuyển nhượng - thế chấp - đổi chác - thuê mướn - tặng - cho hoặc để ở. Sau thế hệ chúng anh T1 qua đời sẽ bàn giao lại cho thế hệ kế tiếp để tiếp nối phụng thờ".* Từ cơ sở trên cho thấy, lúc cụ Trần Thị C1 còn sống, còn tỉnh táo, minh mẫn, cụ C1 có đã cho như sau:

- Bà Nguyễn Thị Minh X thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 và bà X đã xây dựng nhà ở ổn định từ trước đến nay (hiện nay là của anh Nguyễn Xuân T1 con bà X sở hữu).

- Bà Nguyễn Thị Minh Á thửa đất số 1236, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 và bà Á đã xây dựng nhà ở ổn định từ trước đến năm 2015 bán cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2.

- Cụ Trần Thị C1 còn lại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 để ở và làm nơi thờ cúng.

- Việc cụ C1 cho đất bà X và bà Á được tất cả anh em trong nhà đều biết và đồng thuận thể hiện tại giấy ủy quyền được lập vào ngày 08/6/1998, như sau: ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á cùng nhau xác định thửa đất số 1236, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 là của vợ chồng T, Á và thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 4 tại bản đồ địa chính năm 1996 và sổ mục kê năm 1996 là của vợ chồng M, X và ông Nguyễn T2 không có ý kiến gì đối với nguồn gốc đất, tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á.

Việc cụ C1 cho đất bà X và bà Á được UBND thị xã Q căn cứ theo quy định tại điểm 1 phần II Quyết định 499/QĐ-ĐC Ngày 27-7-1999 của T6, có mục đích: Sổ mục kê đất được lập nhằm liệt kê toàn bộ các thửa đất trong phạm vi địa giới hành chính mỗi xã, phường, thị trấn về các nội dung: Tên chủ dụng đất, diện tích loại đất để đáp ứng yêu cầu tổng hợp thống kê diện tích đất đai, lập và tra cứu, sử dụng các tài liệu hồ sơ địa chính một các đầy đủ, thuận tiện, chính xác (không bị trung sót) thừa nhận sự biến động của thửa đất 336, tờ bản đồ số 04, với diện tích: 381m2 tại Khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, kể khai theo chỉ thị 299/TTg do cụ Trần Thị C1 đứng tên, được tách ra 3 thửa đất tại tờ bản đồ số 4, bản đỗ địa chính năm 1996 và số mục kê năm 1996 gồm cụ Trần Thị C1 thửa 78, ba Nguyễn Thị Minh X thừa 1237 và bà Nguyễn Thị Minh Á thửa 1236. Như vậy, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11, với diện tích: 84,8m2, tại Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân T1 (được thừa kế của bà X).

Ngoài ra, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 11, với diện tích: 182,2m2 đất tại Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Minh Á, ông Nguyễn Quang T. Vì vậy, không có lý do gì mà bà Nguyễn Thị L yêu cầu: anh Nguyễn Xuân T1 tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 84,8m^2 đất, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại Khu phố D, phường C, thị xã Q, Tỉnh Quảng Trị và ông Nguyễn Quang T tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 182,2m^2 đất, tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Đối với việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1 để lại 63,5m2 tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4 (nay thửa 22,23, 39 tờ bản đồ số 11), địa chỉ thửa đất tại

Khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cho ba người thuộc hàng thứ nhất, mỗi người được hưởng như sau: ông Nguyễn T2: 21,2m2, bà Nguyễn Thị Minh X, 21,2m2 và bà Nguyễn Thị Minh Á, 21,2m2, anh T1 có ý kiến như sau: Anh T1 là cháu trong nhà, được sự ủy quyền lập vào ngày 08/6/1998 của ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á (Sau thể hệ anh T1 qua đời sẽ bàn giao lại cho thế hệ kế tiếp để tiếp nối phụng thờ) thì thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4 (nay thửa 22,23, 39 tờ bản đồ số 11), địa chỉ thửa đất tại Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị chỉ để làm nơi thờ phượng tổ tiên ông bà và củng là nơi để bà con đến hương khói. Không cho bất cứ ai trong dòng tộc được chuyển nhượng - thế chấp - đổi chác - thuê mướn - tặng cho hoặc để ở.

Vì vậy, anh T1 không thống nhất với việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Đối với thửa đất này chỉ để làm nơi thờ phượng tổ tiên ông bà và củng là nơi để bà con đến hương khói. Không cho bất cứ ai trong dòng tộc được chuyển nhượng - thế chấp - đổi chác - thuê mướn - tặng cho hoặc để ở.

Đối với việc tuyên xử hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất lập ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/2/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2. Đây là tài sản của ông Nguyễn Quang T, việc mua bán là do ông Nguyễn Quang T quyết định. Vì vậy, anh T1 không thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L là tuyên xử hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất lập ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/12/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2.

Anh T1 đề nghị Tòa án tỉnh Quảng Trị: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên hiện trạng hiện nay. Với ý chí của cụ Trần Thị C1 khi còn sống và thỏa thuận của ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á lập ngày 08/6/1998

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/4/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị*** Nguyễn Thị Minh C***,*** Nguyễn Thị Minh N ***(con bà*** Nguyễn Thị Minh X***) trình bày***: Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của anh Nguyễn Xuân T1.

**** Chị*** Nguyễn Thị Minh K***,*** Nguyễn Thị Minh C ***(con bà*** Nguyễn Thị Minh Á***):*** Quá trình giải quyết vụ án không tham gia và không có văn bản trình bày ý kiến.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 16/9/2024 ông*** Nguyễn M ***(chồng mà*** Nguyễn Thị Minh X***) trình bày:*** Bà Nguyễn Thị Minh X, trú tại 14 N, thị xã Q, tỉnh

Quảng Trị (đã chết năm 2001) là vợ của ông M. Sau khi vợ ông M mất, ông và các con gồm: anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1977, chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1983 là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Minh X. Tuy nhiên, đối với việc thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Minh X, ông M cho con là anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1977 toàn quyền quyết định về việc thừa kế di sản tại vụ án nêu trên. Ông M không tranh chấp và yêu cầu nào khác đối với việc nhận thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Minh X của các con.

**** Tại phiên hòa giải ngày ngày 09/5/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh*** Nguyễn Quang H1 ***trình bày:*** Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Ông*** Nguyễn T2***, anh*** Nguyễn Văn L1***, anh*** Nguyễn Văn T3***, chị*** Nguyễn Thị L2***:*** Thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến số 31/CV-VPCC ngày 23/4/2024*** Văn phòng C5 ***trình bày:***

Ngày 16/11/2015, theo yêu cầu công chứng của các ông, bà: ông Nguyễn Quang T, Nguyễn Quang H1, có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị và ông Lê Văn Đ1, bà Trương Thị H2, có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố A, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, Văn phòng C5 đã kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng, nhận thấy hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật; Các bên đã tự nguyện thỏa thuận việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Tại thời điểm yêu cầu công chứng các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nên Văn phòng C5 đã thực hiện các thủ tục công chứng và đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 1074, quyển số 03/2015/TP/CC-SCC/HĐCN. Căn cứ quy định pháp luật về công chứng, các quy định pháp luật có liên quan và hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng C5, Văn phòng C5 nhận thấy việc thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến số ngày 29/5/2024 ông*** Lê Văn Đ***, bà*** Trương Thị H2 ***trình bày:***

Không đồng ý với việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 828927 ngày 21/12/2015 do UBND thị xã Q cấp cho hộ ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2.

Không tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 16/11/2015 tại Văn Phòng C5 giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Quang T và anh Nguyễn Quang H1 với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2. Bởi lẽ:

Giao dịch mua bán của gia đình ông Đ với bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Quang T và anh Nguyễn Quang H1 là giao dịch ngay tình, đã được cơ quan công chứng Trường Sinh công chứng hợp đồng và được UBND thị xã Q cấp đất đúng thủ tục.

Vì vậy, nếu Toà án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 828927 ngày 21/12/2015 do UBND thị xã Q cấp cho hộ Ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 thì yêu cầu ông Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang H1 hoặc bên nào sai khác phải có trách nhiệm trả lại tiền mua đất (tính theo giá trị tương đương với giá thị trường tại thời điểm hoàn tiền) cho ông Đ kèm theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1 kể từ thời điểm nhận tiền chuyển nhượng đến nay và khi nào ông Đ nhận được đầy đủ số tiền nói trên thì tòa mới thực hiện tuyên vô hiệu và khi đó ông Đ mới giao lại mãnh đất nói trên. Kính đề nghị Tòa án giải quyết công bằng, hợp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông Đ.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, Điều 34; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS 2015, các Điều 649, 650, 651, 660 BLDS 2015; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 17, khoản 7 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Quang T tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 182,8m^2 đất, tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Buộc anh Nguyễn Xuân T1 tháo dỡ hết nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trả lại 84,8m^2 đất, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4, diện tích 381m^2 của 07 thành viên hộ gia đình gồm cụ Trần Thị C1, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị L, và các con bà L là anh Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị L2.

- Không chấp nhận yêu cầu tuyên xử hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 vô hiệu. Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/12/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T2 về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1:

Chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị C1 để lại tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 4 (nay thửa 22, 23, 39 tờ bản đồ số 11), địa chỉ thửa đất tại: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cho ba người thuộc hàng thứ nhất, mỗi người được hưởng như sau:

+ Ông Nguyễn T2 tại thửa 23, tờ bản đồ số 11 Diện tích 117m^2;

+ Những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Minh X (gồm ông Nguyễn M, anh Nguyễn Xuân T1, chị Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh C) tại thửa số 22, tờ bản đồ số 11 diện tích 121m^2.

+ Những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Minh Á (gồm ông Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang H1, bà Nguyễn Thị Minh K, Nguyễn Thị Minh C) thửa số 39, tờ bản đồ số 11 diện tích 207m^2 (*đã chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 đã được Công chứng tại Văn phòng C5 và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/2/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2*).

(có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Bị đơn không đồng ý nội dung kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng cả về tố tụng và nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trong thời hạn, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn T2 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của mẹ ông T2 để lại và yêu cầu chia tài sản chung trong khối tài sản của mẹ ông để lại. Bà Nguyễn Thị L không thuộc hàng thừa kế của cụ Trần Thị C1 nên không có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

Nhưng ông Nguyễn T2 có văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020 cho bà L trong đó có nội dung: "tiến hành các thủ tục làm đơn khởi kiện tranh chấp về đất đai, thừa kế quyền sử dụng đất… của cụ Trần Thị C1". Do đó phải xác định ông Nguyễn T2 là nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 03/6/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất 336 tờ bản đồ số 4, có diện tích 381m² cho các thành viên trong gia đình gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn T2, Trần Thị C1 và các con của bà L gồm: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị L2. Cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục thụ lý yêu cầu này của nguyên đơn nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên bác yêu cầu này của nguyên đơn là không đảm bảo các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung

Bà Nguyễn Thị L cho rằng thửa đất 336 tờ bản đồ số 4, có diện tích 381m^2 do ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị L khai hoang từ giữa tháng 5 năm 1975 đến năm 1994 vợ chồng ông T2, bà L sử dụng nhà ở gắn liền với thửa đất nói trên liên tục, ổn định, công khai và không có tranh chấp; sau năm 1994 bà L, ông T2 vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1987 vợ chồng bà L nhờ mẹ chồng (cụ Trần Thị C1) đứng tên kê khai đăng ký vào sổ ruộng đất tại UBND thị trấn Q (nay thị xã Q), theo hồ sơ 299 thửa đất này thuộc thửa số 336 tờ bản đồ số 4, nay là thửa đất số 22, 23, 39 tờ bản đồ số 11, thuộc khu phố D, phường C thị xã Q. Những người làm chứng đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của ông T2 bà L khai hoang.

Theo hồ sơ 299 được lưu trữ và xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Q thì thửa đất trên do cụ Trần Thị C1 kê khai (bút lục 195-196). Tại thời điểm kê khai ngày 02/3/1987 hộ cụ Trần Thị C1 gồm có 01 thành viên (bà Trần Thì C4, sinh năm 1921 - chết năm 1999 (BL 190). Tại Bản án hành chính giám đốc thẩm số 32/2023/GĐT-HC ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định: "*Nguồn gốc nhà, đất có diện tích 381m^2 đất thuộc Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 04, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là Thửa đất số 22, diện tích 106m^2, Thửa đất số 23, diện tích 114 m^2 và Thửa đất số 39, diện tích 204 m^2, thuộc Tờ bản đồ số 11, Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị là của cụ Trần Thị C1 (mẹ của ông T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á)*".

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có đủ căn cứ khẳng định rằng toàn bộ diện tích 381m^2 là di sản của cụ Trần Thị C1 và công nhận văn bản mà ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh Á lập giấy ủy quyền ngày 08/6/1998 được xác nhận của UBND phường A2, thị xã Q để phân chia di sản thừa kế và chia cho các đồng thừa kế. Xét việc chia di sản thì thấy:

+ Thừa 23, tờ bản đồ số 11 Diện tích 117m² cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông T2 sử dụng nhưng trong đó có 4m² sân nhà thờ của bà C1 nằm trong giấy CNQSDĐ cấp cho ông Đ và bà H2.

+ Cấp sơ thẩm tuyên giao cho những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Minh X (gồm ông Nguyễn M, anh Nguyễn Xuân T1, chị Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh C) sử dụng thửa số 22, tờ bản đồ số 11, diện tích 121m² nhưng trong đó diện tích xây nhà của ông T1 có 6m² đất thuộc GCNQSDĐ cấp cho hộ ông D - thửa 21 liền kề.

Như vậy quyết định của bản án sơ thẩm giao đất cho các đương sự có chồng lấn lên quyền sử dụng đất của người khác. Hơn nữa, trên 03 thửa đất số 22, 23, 39 còn có 03 ngôi nhà của ông T1, bà C1, ông Đ và các tài sản khác. Tại phiên tòa, các đương sự trình bày trên 03 thửa đất này có nhà của ông T1, ông T và nhà thờ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét xác minh cụ thể đầy đủ về tài sản trên đất, thực tế sử dụng đất dẫn đến việc quyết định chia di sản cho các đương sự chồng lấn lên diện tích đất của người khác nhưng chưa có ý kiến đầy đủ của những người này. Mặt khác trên các thửa đất giao cho các đương sự có tài sản, công trình trên đất của nhiều gia đình nhưng không tuyên giao cụ thể các tài sản này cho ai, quyền và nghĩa vụ của người nhận tài sản… là chưa giải quyết triệt để, toàn diện vụ án và gây khó khăn cho việc thi hành án.

+ Cấp sơ thẩm tuyên giao cho những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Minh Á (gồm ông Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang H1, bà Nguyễn Thị Minh K, Nguyễn Thị Minh C) được quyền sử dụng thửa số 39, tờ bản đồ số 11 diện tích 207m². Tuy nhiên, thửa đất này đã được ông T và ông H1 chuyển nhượng cho ông Đ và bà H2 và ông Đ, bà H2 đã được cấp GCNQSDĐ. Cấp sơ thẩm đã tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/11/2015 giữa ông Nguyễn Quang T với ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2 không vô hiệu và không huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 828927 do UBND thị xã Q cấp ngày 21/12/2015 cho ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H2, nhưng lại tiếp tục giao quyền sử dụng đất này cho các đương sự kể trên là không đúng.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thu thập các tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, để việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện đúng pháp luật cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho bà Nguyễn Thị L là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000163 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (do ông Lê Quang H nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Văn Hợp